

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2019/DS-PT

Ngày 11 - 4 - 2019

V/v bồi thường thiệt hại và vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2018/TLPT- DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc bồi thường thiệt hại và vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 183/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐ - PT ngày 09 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1960
Nơi cư trú: huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Đ, sinh năm 1958
Bà S, sinh năm 1962
Nơi cư trú: huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bà S là bị đơn trong vụ án.

Bà T, bà S có mặt; ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 14/02/2015, nguyên đơn nhận chuyển nhượng của bị đơn nhà – đất (nhà cấp 4, đất 138m² thuộc thửa 47, tờ bản đồ 20) tại ấp Đầm Cùng, xã Trần Thới,

huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, giá 220.000.000 đồng nhưng khi lập hợp đồng chỉ ghi số tiền 120.000.000 đồng. Nguyên đơn đã giao đủ tiền nhưng chưa nhận nhà – đất do bị đơn mượn lại nhà cho con ở tạm 03 tháng để di dời đồ đạc. Ngày 25/7/2015, bị đơn tự ý tháo dỡ nhà, nguyên đơn trình báo với Công an xã Trần Thới. Ngày 02/8/2015 bị đơn viết “Tờ cam kết” với nội dung: *Bị đơn đồng ý bồi thường cho nguyên đơn căn nhà do bị đơn đập phá số tiền 340.000.000 đồng và hẹn ngày 12/8/2015 bị đơn đưa 30.000.000 đồng còn lại số tiền bị đơn thuê nhà lại mỗi tháng 6.000.000 đồng.*

Nguyên đơn cho rằng, bị đơn viết “Tờ cam kết” này là thỏa thuận cho bị đơn chuộc lại đất với số tiền 220.000.000 đồng, tiền bồi thường nhà 70.000.000 đồng, tiền vay 50.000.000 đồng. Nay nguyên đơn đã nhận đất và nguyên đơn đã chuyển nhượng đất cho người thứ ba nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại căn nhà 70.000.000 đồng và trả tiền vay 50.000.000 đồng; đồng thời tính lãi của số tiền vay 50.000.000 đồng theo quy định kể từ ngày 02/8/2015 cho đến ngày 09/11/2018 (BL:9, 82).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn không thừa nhận có vay 50.000.000 đồng nhưng lại đồng ý trả nguyên đơn 120.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 584, 586, 589 605 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 144.518.750 đồng (vốn 120.000.000đ, lãi 24.518.750đ).

Án phí dân sự có giá ngạch bị đơn phải chịu 7.225.937 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí.

Ngày 23/11/2018, bà S là bị đơn nộp đơn kháng cho rằng: Bị đơn chỉ chuyển nhượng đất chứ không chuyển nhượng nhà; Tòa án xác định bồi thường 70.000.000 đồng chỉ căn cứ lời trình bày nguyên đơn mà không thẩm định; bị đơn không vay 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận buộc bị đơn có vay 50.000.000 đồng và phải trả vốn 50.000.000 đồng cùng tiền lãi của 50.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn là bà S kháng cáo cho rằng, bà chỉ chuyển nhượng đất chứ không chuyển nhượng nhà. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản ghi lời khai ngày

10/4/2018 bà S thừa nhận vợ chồng bà đã bán nhà và đất cho bà T giá 120.000.000 đồng và sau đó đã tháo dỡ nhà đã bán (BL:45,46). Tại Tờ cam kết ngày 02/8/2018 do bà S viết: *Vợ chồng bà đồng ý bồi thường căn nhà đập phá vào ngày 25/7/2015dl* (BL:05); lời trình bày của bà S tại phiên hoà giải ngày 14/8/2018 thừa nhận đã tự ý tháo dỡ nhà đã bán cho T và thỏa thuận chuộc lại đất và nhà 120.000.000 đồng (BL:55). Như vậy có chứng cứ chứng minh bị đơn đã chuyển nhượng nhà và đất cho nguyên đơn.

[2] Đối với kháng cáo về bồi thường nhà thấy rằng, nhà bị đơn đã tháo dỡ không còn tồn tại nên không thể nào thẩm định hoặc định giá trực tiếp được mà chỉ căn cứ vào các chứng cứ khác để xác định giá trị căn nhà. Mặc dù không có chứng cứ cụ thể để xác định giá trị nhà mà bị đơn tháo dỡ có giá 70.000.000 đồng nhưng lời trình bày của nguyên đơn xác định giá trị 70.000.000 đồng; tờ cam kết của bị đơn tự viết, đồng ý bồi thường nhà và diện tích đất 340.000.000 đồng (BL: 05). Tại phiên toà sơ thẩm bị đơn đồng ý bồi thường thiệt hại nhà 70.000.000 đồng (BL: 80,81). Đồng thời gây ra thiệt hại do lỗi hoàn toàn của bị đơn; do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường giá trị nhà với số tiền 70.000.000 đồng là phù hợp và có cơ sở.

[3] Đối với kháng cáo số tiền vay 50.000.000 đồng, thấy rằng: Trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bị đơn hoàn toàn phủ nhận có vay của nguyên đơn 50.000.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm bị đơn đồng ý trả 50.000.000 đồng nhưng cũng phủ nhận việc có vay 50.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cho rằng tờ cam kết bị đơn chấp nhận bồi thường 340.000.000 đồng trong đó có 50.000.000 đồng tiền vay. Song, đây là lời trình bày của nguyên đơn chứ trong tờ cam kết không thể hiện có số tiền vay. Tờ cam kết ngày 02/8/2015 bà S ghi: *Đồng ý bồi thường thiệt hại căn nhà đập phá và diện tích đất số tiền 340.00.000 đồng* (BL:05). Đồng thời, biên bản vụ việc ngày 30/9/2015 do Công an xã Trần Thới lập bà T trình bày: *Bị đơn có cam kết vào ngày 02/8/2015 là sẽ mua lại căn nhà, phần đất và phần bồi thường thiệt hại tổng số tiền 340.000.000 đồng* (BL:08). Như vậy, không có chứng cứ nào thể hiện trong 340.000.000 đồng mà bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn có số tiền vay 50.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh; do đó kháng cáo đối với số tiền 50.000.000 đồng của bị đơn là có cơ sở; nên đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[4] Về áp dụng luật để xét xử: Thấy rằng, tranh chấp xảy ra từ tháng 8 năm 2015 nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để xét xử là không đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 mà phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 xét xử.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại; nguyên đơn phải chịu án phí của số tiền 50.000.000 đồng do không được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí của số tiền 70.000.000 đồng do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 148 – Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 604; khoản 2 Điều 608 - Bộ luật dân sự 2005. Khoản 1 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn S; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm 183/2018/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Tuyên xử: - Chấp nhận một phần yêu cầu của bà T; Buộc ông Đ và bà S phải trả cho bà T 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ông Đ và bà S có vay 50.000.000 đồng và phải trả cho bà T 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền vay và lãi vay.

- Án phí: + Án phí dân sự phúc thẩm bà S không phải chịu; Án phí dân sự có giá ngạch bà S và ông Đ phải chịu 3.500.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004909 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; ông Đ và bà S còn phải nộp 3.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí dân sự có giá ngạch bà T phải chịu 2.500.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai số 0003568 ngày 29/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 500.000 đồng.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Miên